

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cháng A Sai.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Thu .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiên – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 21-7-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-7-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị M, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

“Có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn H, xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái.

“Có đơn xin giải quyết vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2022, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M và anh Nguyễn Duy K kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 10-7-2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung nên dẫn đến bất đồng về quan điểm, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau. Chị Nông Thị M xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Duy K không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21-6-2021, bị đơn anh Nguyễn Duy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Nông Thị M kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 10-7-2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung và không có tiếng nói chung. Anh Nguyễn Duy K xác định tình cảm vợ chồng với chị Nông Thị M không còn, chị Nông Thị M xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Duy K xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn là chị Nông Thị M có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Duy K, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Hạnh Phúc, xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nông Thị M, bị đơn anh Nguyễn Duy K có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục hòa giải:* Ngày 22/6/2022 anh Nguyễn Duy K có đơn xin giải quyết vắng mặt và không tiến hành hòa giải, ngày 30/6/2022 chị Nông Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị M và anh Nguyễn Duy K có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 10-7-2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung và không có tiếng nói chung. Chị Nông Thị M và anh Nguyễn Duy K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị M và anh Nguyễn Duy K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chị Mai được ly hôn anh Khương theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Các đương sự công nhận vợ chồng không có con chung.

[3.3] *Về tài sản và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Nông Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M được ly hôn anh Nguyễn Duy K.

2. Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001915 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 17-6-2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mai Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai Thu Cháng A Sai

Phạm Mai Hằng